



**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM**



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

**VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
XUẤT KHẨU VÀO TRUNG QUỐC**

Hà Nội, tháng 12/2021

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. Lê Thanh Hoà – Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam
Phó Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ban soạn thảo và biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng ban soạn thảo và biên tập
(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)
ThS. Vũ Thị Hải Yến
ThS. Đinh Đức Hiệp

Thư kí Ban Biên tập:

ThS. Trần Thùy Dung

In ấn và xuất bản bởi Văn phòng SPS Việt Nam
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

MỤC LỤC

PHẦN I

QUY ĐỊNH KIỂM NGHIỆM, KIỂM DỊCH NÔNG SẢN NHẬP KHẨU CỦA THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

I. THƯƠNG MẠI ASEAN- TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM – TRUNG QUỐC

ASEAN và Trung Quốc ký Hiệp định khung về Hợp tác kinh tế toàn diện tháng 11/2002. Trên cơ sở Hiệp định khung, hai bên tiếp tục đàm phán và ký kết các Hiệp định về Thương mại Hàng hóa (có hiệu lực từ tháng 7/2005), Hiệp định về Thương mại Dịch vụ (có hiệu lực từ tháng 7/2007), Hiệp định về Đầu tư (có hiệu lực từ tháng 2/2010) nhằm thiết lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc. Tháng 11/2015, ASEAN và Trung Quốc ký Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung và các Hiệp định liên quan, trong đó có nhiều nội dung cam kết mới về Hàng hóa, Dịch vụ và Đầu tư. Nghị định này có hiệu lực từ tháng 5/2016.

Kể từ khi thiết lập mối quan hệ đối thoại giữa Trung Quốc và ASEAN năm 1991, quan hệ hợp tác ngày càng trở nên mật thiết, sự phát triển của kinh tế và thương mại song phương đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, quy mô thương mại khu vực phát triển nhanh chóng, từ 1991-2020 sau 30 năm phát triển, kim ngạch thương mại tăng từ 836 triệu USD lên đến 68,525 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 16,5%, vượt qua tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu bình quân hàng năm của Trung Quốc. Riêng lĩnh vực nông sản, tính đến nay, gần 1.500 sản phẩm nông sản và thực phẩm của 10 nước ASEAN được xuất khẩu vào Trung Quốc. Theo thống kê của cơ quan hải quan Trung Quốc, những năm gần đây, kim ngạch xuất nhập khẩu nông sản từ ASEAN vào Trung Quốc tăng trưởng liên tiếp hàng năm, năm 2020 tăng trưởng 10,3% so với năm 2019, 8 tháng

đầu năm 2021 tăng trưởng 41,7% so với cùng kỳ. Năm 2020, đối mặt với tác động nặng nề của đại dịch viêm phổi (Covid-19), Trung Quốc và các nước ASEAN đã hợp tác sâu rộng trong phòng, chống dịch và duy trì hiệu quả sự ổn định chuỗi sản xuất, cung ứng khu vực và đảm bảo sự phát triển thương mại song phương, ASEAN tiếp tục giữ vững vị trí đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc.

Việt Nam và Trung Quốc đều là thành viên của các tổ chức WTO, Ủy ban về Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế do FAO/WHO thành lập (CODEX), Tổ chức Thú Y thế giới (OIE), Công ước Bảo vệ thực vật Quốc tế (IPPC), tham gia Hiệp định Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Trung Quốc, nên đều phải:

- Tuân thủ các quy định về Vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật của Hiệp định SPS-WTO.

- Chương SPS – Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc.

- Các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị của IPPC, CODEX và OIE.

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm các Hiệp định, Bản hợp tác, Biên bản ghi nhớ đa phương, song phương mà hai bên cùng tham gia ký kết trong lĩnh vực Vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động thực vật.

Ngoài ra, việc thực thi thỏa thuận đa phương với khối ASEAN và Trung Quốc còn một số văn bản của Việt Nam cần tham khảo gồm:

- Nghị định số 128/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt;

- Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa Asean - Trung Quốc giai đoạn 2018 - 2022;

- Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 19/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại Tự do đã có hiệu lực;

- Thông tư số 35/2012/TT-BCT sửa đổi Thông tư số 36/2010/TT-BCT thực hiện Quy tắc thủ tục cấp và kiểm tra xuất xứ sửa đổi và Quy tắc cụ thể mặt hàng theo hệ thống hài hòa phiên bản 2007 trong Hiệp định ACFTA;

- Thông tư số 21/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung thông tư số 36/2010/TT-BCT thực hiện Quy tắc thủ tục cấp và kiểm tra xuất xứ sửa đổi và Quy tắc cụ thể mặt hàng theo mã HS code;

- Thông tư số 166/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về việc Ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2015-2018;

- Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ACFTA

II. QUY ĐỊNH CỦA TRUNG QUỐC VÀ THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

2.1. Quy định pháp luật của Trung Quốc

- Luật Nhập cảnh và Kiểm dịch Động vật và Thực vật
- Quy định về thực hiện của các Luật về các nhập cảnh Động thực vật

- Luật chất lượng và an toàn nông sản

- Quy định về kiểm dịch thực vật

- Quy định về kiểm soát thuốc trừ sâu

- Quy định về kiểm soát thuốc thú y

- Quy định về quản lý thức ăn và phụ gia thức ăn

- Luật về sức khỏe biên giới và kiểm dịch

2.2. Thỏa thuận song phương Việt Nam - Trung Quốc

Để phù hợp với các yêu cầu của thị trường Trung Quốc về điều kiện an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành đàm phán về các điều kiện an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật mà phía Trung Quốc đặt ra và hai bên đã ký một số hiệp định, biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, đây là căn cứ để tạo thuận lợi hóa thương mại cho các nhà sản xuất/xuất khẩu, đồng thời thúc đẩy thương mại hàng hóa nông sản song phương hai nước. Bảng 1.

Bảng 1. Danh sách hiệp định, biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc về thương mại nông sản

STT	Hiệp định/Biên bản ghi nhớ/ Thỏa thuận hợp tác	Thời gian ban hành
1	Hiệp định giữa Việt Nam và Trung Quốc về hợp tác trong lĩnh vực bảo vệ và Kiểm dịch thực vật	5/2008
2	Thỏa thuận kiểm soát an toàn nông sản thực phẩm xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc	6/2013
3	Thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS)	9/2016
4	Biên bản ghi nhớ về thiết lập cơ chế ngăn chặn và kiểm soát sâu bệnh thực vật tại khu vực biên giới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc	4/2019

5	Thỏa thuận an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật đối với thực phẩm cám gạo của Việt Nam làm thức ăn chăn nuôi xuất khẩu sang Trung Quốc	5/2016
6	Nghị định thư của Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về Điều kiện kiểm dịch của gạo nhập khẩu từ Việt Nam	5/2016
7	Nghị định thư của Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về Điều kiện kiểm dịch đối với măng cụt nhập khẩu từ Việt Nam	4/2019
8	Nghị định thư của Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về Điều kiện Thú y và Sức khỏe Cộng đồng của sản phẩm sữa nhập khẩu từ Việt Nam	4/2019
9	Nghị định thư của Tổng cục Hải quan Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về sản phẩm thạch đen nhập khẩu từ Việt Nam	11/2020

III. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM CỦA TRUNG QUỐC

Tháng 01/5/2018, Trung Quốc ra thông báo tái khẳng định việc kiểm soát nông sản Việt Nam nhập vào thị trường này, các biện pháp

kỹ thuật được đưa ra, điển hình là công cụ về truy xuất nguồn gốc, bao gồm:

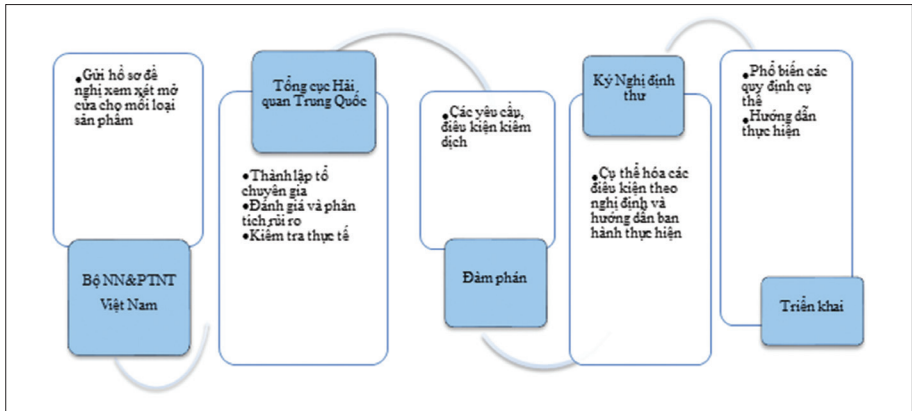
- a. Tiến hành đánh giá rủi ro lại cho các hàng nông sản của Việt Nam lần đầu tiên nhập khẩu và chưa có trong danh mục 2017;
- b. Kiểm soát danh mục nông sản Việt Nam nhập khẩu vào Trung Quốc;
- c. Thực hiện truy xuất nguồn gốc bắt buộc đối với nông sản Việt Nam;
- d. Cấp phép và quản lý các doanh nghiệp Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu sản phẩm nông sản vào Trung Quốc (yêu cầu đăng ký và phê chuẩn danh sách);
- e. Quản lý nông sản, thực phẩm Việt Nam nhập khẩu theo Cửa khẩu chỉ định;
- f. Kiểm tra giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho các sản phẩm nhập khẩu đóng gói sẵn (áp dụng từ 01/10/2019).

IV. ĐÀM PHÁN MỞ CỬA THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN

Từ năm 2018, các sản phẩm chưa có trong danh mục xuất khẩu chính thức mà Trung Quốc và Việt Nam đã ký thỏa thuận phải thực hiện đánh giá rủi ro và xem xét cấp phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc.

Quy trình mở cửa thị trường cho một sản phẩm trung bình là một đến hai năm, thậm chí là dài hơn, tùy theo mức độ rủi ro về sâu hại và dịch bệnh liên quan đến sản phẩm đó (tính từ thời điểm nộp hồ sơ, thực hiện đánh giá rủi ro, đưa ra biện pháp quản lý rủi ro và cuối cùng là cho phép nhập khẩu - Hình 1).

Hình 1. Quy trình đàm phán, mở cửa thị trường nông sản với Trung Quốc



Hiện nay với yêu cầu kiểm soát tuân thủ về an toàn thực phẩm ngày càng cao của thị trường Trung Quốc thì các sản phẩm sau khi vào cửa khẩu sẽ tiếp tục được kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm trước khi đến với người tiêu dùng.

Hiện nay, khi Lệnh 249 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc được ban hành vào ngày 12/4/2021, nội dung đánh giá rủi ro đã được cụ thể như sau:

- (1) Các luật và quy định liên quan đến an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật;
- (2) Cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát an toàn thực phẩm;
- (3) Mức độ phổ biến của dịch bệnh động vật, thực vật và các biện pháp phòng, chống;
- (4) Quản lý và kiểm soát vi sinh vật gây bệnh, thuốc nông nghiệp, thú y và các chất ô nhiễm;
- (5) Kiểm soát vệ sinh an toàn trong các liên kết sản xuất và chế biến, vận chuyển và bảo quản thực phẩm;

- (6) Giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất khẩu;
- (7) Hệ thống triệu hồi, truy xuất nguồn gốc và bảo hộ an toàn thực phẩm;
- (8) Cơ chế cảnh báo và ứng phó khẩn cấp;
- (9) Năng lực hỗ trợ kỹ thuật;
- (10) Các tình huống khác liên quan đến tình hình dịch bệnh động, thực vật và an toàn thực phẩm.

Trong trường hợp khi đang đánh giá, thẩm tra xuất hiện một trong các tình huống dưới đây, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể chấm dứt việc đánh giá, rà soát và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền liên quan của quốc gia (khu vực):

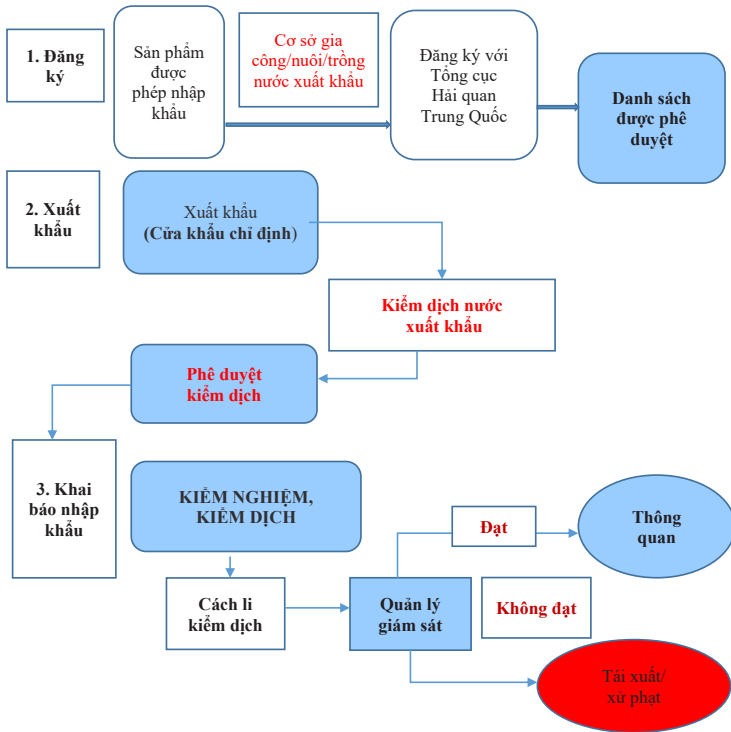
- (1) Không phản hồi trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được bảng câu hỏi đánh giá bằng văn bản;
- (2) Không cung cấp thông tin theo yêu cầu trong thời hạn 3 tháng kể từ khi nhận được thông báo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về việc bổ sung thông tin, tư liệu;
- (3) Bất ngờ xảy ra dịch bệnh động vật, thực vật hoặc sự cố lớn về an toàn thực phẩm;
- (4) Không hợp tác với phía Trung Quốc để hoàn thành việc kiểm tra video hoặc kiểm tra tại chỗ và không có khả năng hoàn thành việc chỉnh sửa một cách hiệu quả;
- (5) Tự nguyện đề nghị chấm dứt đánh giá, thẩm tra.

V. QUY TRÌNH KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Với mỗi một loại sản phẩm nhập khẩu đều có yêu cầu về kiểm nghiệm, kiểm dịch cụ thể, tuy nhiên nhà sản xuất/xuất khẩu đều

phải tuân thủ quy trình kiểm dịch động, thực vật chung như mô tả dưới đây khi thực hiện xuất khẩu sản phẩm nông sản sang thị trường Trung Quốc (Hình 2).

Hình 2. Quy trình kiểm dịch nông sản vào thị trường Trung Quốc



VI. BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT SẢN PHẨM NHẬP KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Từ giữa năm 2018, sau khi Trung Quốc thông báo về việc tái áp dụng một số biện pháp tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt trong khâu kiểm dịch sản phẩm nông sản nhập khẩu khi thông quan, cụ thể:

- Quản lý nghiêm việc phê duyệt và cấp phép kiểm dịch;
- Thực hiện nghiêm các hiệp định song phương và đa phương đã ký về kiểm dịch thực vật;
- Tiến hành công nhận và sử dụng kết quả kiểm nghiệm của bên thứ 3 đối với công tác kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Thu thập mẫu chứng thư kiểm dịch để làm căn cứ xác minh giấy chứng nhận kiểm dịch;
- Thực hiện kiểm tra kiểm dịch tại chỗ 100% (theo từng lô hàng) đối với hàng hóa nhập khẩu có nguồn gốc động vật, thực vật;
- Lượng các chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật được phát hiện “không được vượt quá” các tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe có liên quan của Trung Quốc.

VII. KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU

Mỗi lô hàng trước khi được vận chuyển đến cửa khẩu để xuất khẩu thì phải được kiểm dịch, đây là yêu cầu bắt buộc các nhà sản xuất xuất khẩu phải thực hiện và được kiểm soát bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền của Việt Nam.

i. Lô hàng phải được nhà xuất khẩu khai báo và trình cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam để tiến hành kiểm nghiệm sản phẩm;

ii. Quy định trình tự, thủ tục tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

iii. Cơ quan cấp phép kiểm dịch thực vật là Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

iv. Đơn vị xin phép là nhà sản xuất/xuất khẩu.

v. Kết quả của kiểm dịch là Chứng thư kiểm dịch và sẽ là căn cứ kiểm tra tại cửa khẩu nhập khẩu của Trung Quốc.

PHẦN 2

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU VÀO CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

I. GIỚI THIỆU

Để đảm bảo an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và bảo vệ đời sống, sức khỏe con người, động vật, thực vật, căn cứ «Luật An toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa» và các quy định thi hành, «Luật Hải quan của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa», “Luật Kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và các quy định thi hành, «Luật Kiểm dịch động, thực vật xuất nhập cảnh của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và các quy định thi hành, “Luật Kiểm dịch và Y tế Biên giới của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và các quy tắc thực hiện, và “Luật An toàn chất lượng nông sản của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”.

Các biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất, nhập khẩu của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã được Tổng cục Hải quan Trung Quốc ban hành theo Lệnh 249 ngày 12/4/2021 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Sau cải cách thể chế của Quốc vụ viện vào năm 2018, trách nhiệm quản lý và lực lượng kiểm dịch, kiểm dịch xuất nhập khẩu được giao cho hải quan. Chính sách và hệ thống quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu đã thay đổi. Do vậy, dự thảo các biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất, nhập khẩu được xây dựng dựa trên hệ thống pháp luật, quy định hành chính và phù hợp với “Các quy định đặc biệt của Quốc vụ viện về tăng cường Giám sát và Quản lý An toàn thực phẩm”.

Ngày 01 tháng 12 năm 2019, sau khi ban hành và thực hiện Quy định thi hành Luật An toàn thực phẩm, dự thảo các biện pháp quản

lý an toàn thực phẩm xuất, nhập khẩu theo các quy định mới của Quy chế này. Qua hai vòng tham vấn nội bộ, ngày 11/6/2020, dự thảo này được công bố trên trang web của Tổng cục Hải quan Trung Quốc để lấy ý kiến rộng rãi. Ngày 30/11/2020, dự thảo đã được thông báo tới Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) để lấy ý kiến Thành viên WTO và thủ tục thông báo đã được hoàn thành ngày 31/01/2021. Sau đó, dự thảo đã được Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông qua ngày 12/3/2021 và được công bố chính thức vào ngày 12/4/2021.

Khi Lệnh 249 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 thì Lệnh số 243 của Tổng cục Hải quan Trung Quốc ban hành từ ngày 23/11/2018 sau khi đã sửa đổi lần 2 cũng sẽ hết hiệu lực cùng ngày. Việc sửa đổi này được coi như sự điều chỉnh tương ứng do hải quan thực hiện các sửa đổi mới nhất của các luật cao hơn như “Luật An toàn Thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” và các quy định thực hiện, là yêu cầu tất yếu để quản lý an toàn thực phẩm theo quy định của luật pháp nước này;

Có thể nói đây là biện pháp quan trọng để thực hiện “bốn yêu cầu nghiêm ngặt” của Tổng Bí thư Tập Cận Bình về an toàn thực phẩm; và cũng cho thấy chức năng của hải quan đã được tăng cường để giám sát an toàn thực phẩm và tối ưu hóa các dịch vụ trong lĩnh vực xuất nhập khẩu sau cải cách thể chế của Quốc vụ viện nước này.

Nội dung của Lệnh 249 gồm 6 chương, 79 điều, chủ yếu gồm các yêu cầu chung trong lĩnh vực quản lý giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, quản lý thực phẩm nhập khẩu, quản lý thực phẩm xuất khẩu, biện pháp quản lý, giám sát và trách nhiệm pháp luật tương ứng của các bên... trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Lệnh 249 tích hợp và thay thế cùng lúc 6 quy định gồm:

- Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu;
- Biện pháp giám sát và quản lý kiểm tra, kiểm dịch thủy sản xuất nhập khẩu;

- Biện pháp giám sát và quản lý kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm thịt xuất nhập khẩu;
- Biện pháp giám sát và quản lý kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm sữa xuất nhập khẩu;
- Biện pháp quản lý kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm mật ong xuất khẩu;
- Quy định quản lý hồ sơ doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu được ban hành trước đó.

II. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi

Những cá nhân, hoạt động sau đây phải tuân thủ Lệnh 249: (1) Hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu; (2) Hải quan giám sát, quản lý đối với các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu và việc thực hiện an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu của họ.

Nhà sản xuất kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu bao gồm: doanh nghiệp sản xuất ở nước ngoài, thương nhân xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào Trung Quốc, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu và nhân viên có liên quan.

Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu gồm các doanh nghiệp sản xuất, chế biến và bảo quản ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc.

Các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu bao gồm các thương nhân xuất khẩu hoặc đại lý ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc và các doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu phụ gia thực

phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm được thực hiện theo quy định có liên quan khác của Tổng cục Hải quan.

2. Nguyên tắc

Nguyên tắc quản trị về an toàn thực phẩm của Tổng cục hải quan sẽ được đổi mới theo quan điểm: an toàn là trên hết, phòng ngừa trước, quản lý rủi ro, kiểm soát toàn bộ và đồng quản trị quốc tế.

Điều này quy định các nguyên tắc an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu. “An toàn trên hết” có nghĩa là công tác an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu phải luôn đặt an toàn lên hàng đầu, tuân theo tư duy mấu chốt và kiên quyết ngăn chặn các vấn đề về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu khu vực, hệ thống và công nghiệp. “Phòng ngừa trước” có nghĩa là công tác an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu áp dụng các biện pháp và cơ chế phòng ngừa khác nhau để ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro. “Quản lý rủi ro” là phương pháp quản lý rủi ro khoa học đối với công tác an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu nhằm đạt được hiệu quả quản lý, kiểm soát rủi ro về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu thông qua việc phân loại, phân loại rủi ro thực phẩm xuất nhập khẩu. «Kiểm soát toàn bộ quá trình» dựa trên đặc điểm của công tác giám sát an toàn thực phẩm, tăng cường giám sát toàn bộ quá trình và thiết lập hệ thống giám sát bao trùm toàn bộ quá trình. «Đồng quản trị quốc tế» đòi hỏi sự tham gia chung của tất cả các bên bao gồm các tổ chức quốc tế về an toàn thực phẩm và các cơ quan chính phủ nước ngoài để tạo ra một mô hình đồng quản trị quốc tế về an toàn thực phẩm. Người giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu và tất cả các chủ thể trong chuỗi cung ứng thực phẩm xuất nhập khẩu phải chịu trách nhiệm tương ứng về an toàn thực phẩm. - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu phối hợp, thống nhất, công khai, minh bạch, không chỉ phù hợp với xu hướng điều tiết quốc tế và thông lệ chung hiện nay mà còn phù hợp với yêu cầu thuận phong mỹ tục xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc.

3. Trách nhiệm chính

Điều 4, Lệnh 249 quy định Cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về sự an toàn của thực phẩm xuất nhập khẩu do mình sản xuất và kinh doanh.

Cơ sở sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu tham gia vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu phải phù hợp với các hiệp ước và hiệp định quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia, luật pháp và quy định của Trung Quốc và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, tiếp nhận giám sát và quản lý theo pháp luật, bảo đảm an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu, chịu trách nhiệm trước xã hội và nhân dân.

Nếu nội dung hồ sơ của doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm phát sinh thay đổi, nhưng không tiến hành thủ tục thay đổi đối với cơ quan Hải quan theo quy định, trường hợp nghiêm trọng thì cơ quan Hải quan sẽ phạt cảnh cáo.

Doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm cung cấp thông tin hồ sơ sai sự thật, Hải quan sẽ phạt tối đa 10 nghìn nhân dân tệ.

4. Phân cấp quản lý

Tổng cục Hải quan Trung Quốc chịu trách nhiệm quản lý, giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trên toàn quốc. Hải quan các cấp chịu trách nhiệm giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu trên địa bàn quản lý.

Hiện nay, hải quan sử dụng phương thức công nghệ hóa thông tin để nâng cao trình độ quản lý, giám sát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu vào nước này

III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO

1. Tiêu chuẩn áp dụng

Thực phẩm nhập khẩu phải tuân thủ luật pháp và quy định của

Trung Quốc và các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, các yêu cầu đặc thù của điều ước và thỏa thuận quốc tế mà Trung Quốc đã ký kết hoặc tham gia và cũng phải phù hợp các yêu cầu của các hiệp định, điều ước quốc tế.

Trường hợp nhập khẩu thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, cần tuân theo các yêu cầu của tiêu chuẩn có liên quan sử dụng tạm thời do Ủy ban quản lý Y tế Quốc vụ viện ban hành.

Thực phẩm được sản xuất bằng nguyên liệu thực phẩm mới phải có giấy phép quản lý y tế về nguyên liệu thực phẩm mới của Ủy Ban quản lý Y tế của Quốc vụ viện theo quy định tại Điều 37 của Luật an toàn thực phẩm của Trung Quốc.

2. Tình huống áp dụng

Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể tiến hành đánh giá và kiểm tra đối với quốc gia (khu vực) xuất khẩu:

- (1) Một quốc gia (khu vực) xin xuất khẩu lần đầu tiên một loại (loài) thực phẩm nhất định sang Trung Quốc;
- (2) Quốc gia (khu vực) xuất khẩu đã có những điều chỉnh lớn trong cơ cấu tổ chức, luật và quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu đề nghị điều chỉnh lớn đối với các yêu cầu kiểm tra và kiểm dịch của một loại (loài) thực phẩm nhất định xuất khẩu vào Trung Quốc;
- (4) Xảy ra dịch bệnh lớn trên động, thực vật hoặc sự cố về an toàn thực phẩm ở nước ngoài (khu vực);
- (5) Hải quan phát hiện vấn đề nghiêm trọng trong thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc, cho rằng có dịch bệnh động vật, thực vật hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm;

(6) Các tình huống khác cần đánh giá và xem xét.

1. Nội dung đánh giá rủi ro

Dựa trên quy định liên quan về quản lý rủi ro và quy định hành chính về kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, Hải quan Trung Quốc thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với thực phẩm nhập khẩu. Hoạt động đánh giá sự phù hợp của thực phẩm nhập khẩu bao gồm:

Đánh giá, rà soát hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của các nước (khu vực) xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc;

Đăng ký doanh nghiệp sản xuất nước ngoài;

Bảo đảm hợp quy và hồ sơ nhà xuất nhập khẩu;

Phê duyệt kiểm dịch động thực vật nhập cảnh;

Kiểm tra các chứng chỉ năng lực kèm theo, xem xét tài liệu;

Kiểm tra tại chỗ, giám sát và kiểm tra ngẫu nhiên;

Kiểm tra hồ sơ nhật ký nhập khẩu và bán hàng;

Và kết hợp nhiều hạng mục khác nhau.

Trên cơ sở đánh giá sẽ xác định các yêu cầu kiểm tra, kiểm dịch tương ứng dựa trên kết quả đánh giá, rà soát.

4. Hình thức đánh giá, kiểm tra



Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể tổ chức cho các chuyên gia thực hiện đánh giá, thẩm tra thông qua các hình thức, kết hợp giữa thẩm tra:

- Tài liệu;
- Kiểm tra video;
- và kiểm tra tại chỗ.

5. Xử lý kết quả đánh giá rủi ro

- Thực phẩm nhập khẩu nếu đã được cơ quan hải quan đánh giá hợp quy thì được phép nhập khẩu.

- Nếu thực phẩm nhập khẩu được cơ quan hải quan đánh giá là không hợp quy thì hải quan cấp giấy xác nhận không hợp quy; nếu không đủ điều kiện về an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường thì hải quan thông báo bằng văn bản cho nhà nhập khẩu thực phẩm để có trách nhiệm tiêu hủy hoặc trả lại; nếu là các hạng mục khác không đủ tiêu chuẩn, thông qua xử lý kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đánh giá sự phù hợp mới được nhập khẩu. Trường hợp các hạng mục liên quan của thực phẩm nhập khẩu không được xử lý kỹ thuật trong thời gian quy định hoặc sau khi xử lý kỹ thuật vẫn không đạt chất lượng thì hải quan ra lệnh tiêu hủy hoặc trả lại đơn vị nhập khẩu thực phẩm.

6. Chấm dứt, tạm dừng đánh giá rủi ro

Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể chấm dứt việc đánh giá, kiểm tra và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền liên quan nếu vi phạm một trong các tình huống dưới đây,;

a) *Không phản hồi trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được bảng câu hỏi đánh giá bằng văn bản;*

b) *Không cung cấp thông tin theo yêu cầu trong thời hạn 3 tháng kể từ khi nhận được thông báo của Tổng cục Hải quan Trung Quốc về việc bổ sung thông tin, tư liệu;*

c) *Bất ngờ xảy ra dịch bệnh động vật, thực vật hoặc sự cố lớn về An toàn thực phẩm;*

d) *Không hợp tác với phía Trung Quốc để hoàn thành việc kiểm tra video hoặc kiểm tra tại chỗ và không có khả năng hoàn thành việc chỉnh sửa một cách hiệu quả;*

e) *Tự nguyện đề nghị chấm dứt đánh giá, kiểm tra.*

Trong trường hợp (a) và (b) nêu trên, có thể được gia hạn thời gian nộp tài liệu nếu được sự chấp thuận của Tổng cục Hải quan Trung Quốc trường hợp *các cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu có thể xin gia hạn nếu có lý do đặc biệt*.

7. Cảnh báo rủi ro

Trường hợp sự cố an toàn thực phẩm, dịch bệnh trong và ngoài nước có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu hoặc trong thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu phát sinh vấn đề nghiêm trọng về an toàn thực phẩm thì Hải quan trực thuộc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng cục Hải quan Trung Quốc; Tổng cục Hải quan Trung Quốc căn cứ tình hình thực hiện cảnh báo rủi ro, thông báo cảnh báo rủi ro trong hệ thống Hải quan, báo cáo các cơ quan giám sát, quản lý an toàn thực phẩm, quản lý y tế, quản lý nông nghiệp của Quốc vụ viện và đưa ra các thông báo cảnh báo rủi ro cho người tiêu dùng khi cần thiết (điều 59).

Khi ban hành thông báo cảnh báo rủi ro, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với thực phẩm xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với yêu cầu của thông báo cảnh báo rủi ro quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 54 của Lệnh 249.

Trường hợp sự cố an toàn thực phẩm xảy ra ở nước ngoài có thể ảnh hưởng đến Trung Quốc hoặc nếu sau khi đánh giá phát hiện rủi ro không kiểm soát được, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể thực hiện theo thông lệ quốc tế, trực tiếp đưa ra thông báo cảnh báo rủi ro trong hệ thống Hải quan hoặc đưa ra cảnh báo rủi ro thông báo cho người tiêu dùng và đồng thời áp dụng các biện pháp kiểm soát quy định tại Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Lệnh 249.

8. Tăng cường kiểm soát

Dựa trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro, Hải quan Trung Quốc có thể

thực hiện các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm nhập khẩu liên quan.

Nếu lại phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đủ tiêu chuẩn hoặc có bằng chứng cho thấy thực phẩm nhập khẩu có các nguy cơ lớn về an toàn, thì yêu cầu nhà nhập khẩu thực phẩm hàng loạt phải nộp báo cáo kiểm tra của cơ quan kiểm tra đủ điều kiện cho Hải quan theo lô.

9. Cấm, tạm dừng nhập khẩu

Tổng cục Hải quan có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát như đình chỉ hoặc cấm nhập khẩu các loại thực phẩm liên quan dựa trên kết quả đánh giá rủi ro:

(1) Nước (khu vực) xuất khẩu xảy ra một dịch bệnh động vật, thực vật lớn, hoặc hệ thống an toàn thực phẩm có sự thay đổi lớn không đảm bảo hiệu quả sự an toàn của thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc;

(2) Thực phẩm nhập khẩu bị ô nhiễm bởi mầm bệnh của các bệnh truyền nhiễm thuộc diện kiểm dịch, hoặc có bằng chứng cho thấy nó có thể trở thành vật trung gian truyền các bệnh truyền nhiễm thuộc diện kiểm dịch và không thể thực hiện xử lý vệ sinh hiệu quả;

(3) Thực phẩm nhập khẩu mà Hải quan thực hiện các biện pháp kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều 34 của Lệnh 249 lại phát hiện các hạng mục liên quan an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường không đạt tiêu chuẩn;

(4) Doanh nghiệp sản xuất nước ngoài vi phạm luật và quy định có liên quan của Trung Quốc với tình tiết nghiêm trọng;

(5) Các thông tin khác cho thấy tồn tại các mối nguy lớn liên quan an toàn thực phẩm.

10. Dỡ bỏ kiểm soát

Khi rủi ro về an toàn của thực phẩm nhập khẩu đã giảm xuống

mức có thể kiểm soát được, Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Hải quan có thẩm quyền trực thuộc có thể áp dụng các biện pháp dỡ bỏ kiểm soát tương ứng theo cách thức sau:

(1) Thực phẩm bị áp dụng các biện pháp kiểm soát tại khoản 1 Điều 34 của Lệnh 249, trong thời gian hạn định và lô tiếp theo không bị phát hiện là không đạt chất lượng, trên cơ sở đánh giá rủi ro có thể được dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát;

(2) Đối với thực phẩm bị áp dụng các biện pháp kiểm soát tại khoản 2 Điều 34 của Lệnh 249, nước (khu vực) xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa và được Tổng cục Hải quan Trung Quốc đánh giá rủi ro là có thể đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát nguy cơ dịch bệnh động vật, thực vật, trong thời gian hạn định thực hiện các biện pháp kiểm soát và lô tiếp theo không bị phát hiện là không đạt chất lượng, trên cơ sở đánh giá rủi ro có thể được dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát.

(3) Đối với thực phẩm áp dụng các biện pháp tạm ngừng, cấm nhập khẩu, nếu cơ quan có thẩm quyền của nước (khu vực) xuất khẩu đã áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và được Tổng cục Hải quan Trung Quốc đánh giá là đáp ứng yêu cầu thì có thể dỡ bỏ việc tạm dừng, cấm nhập khẩu. Để phục hồi nhập khẩu thực phẩm, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể áp dụng các biện pháp kiểm soát quy định tại Điều 34 của Lệnh 249 trên cơ sở tình hình đánh giá.

IV. KIỂM DỊCH VÀ PHÊ DUYỆT KIỂM DỊCH TẠI CỬA KHẨU

1. Chỉ định Cảng/cửa khẩu nhập khẩu

Theo nhu cầu của quản lý rủi ro, Hải quan có thể triển khai chỉ định các cảng/cửa khẩu nhập khẩu thực phẩm và chỉ định các địa điểm kiểm tra, giám sát. Tổng cục Hải quan Trung Quốc công bố danh sách các cảng/cửa khẩu và địa điểm giám sát được chỉ định.

2. Kiểm dịch và phê duyệt kiểm dịch

Hải quan thực hiện kiểm dịch và kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch đối với thực phẩm nhập khẩu phải kiểm tra, phê duyệt kiểm dịch động, thực vật nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Quy định kiểm tra tại chỗ

Căn cứ nhu cầu giám sát và quản lý, hải quan sẽ tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu, kiểm tra tại chỗ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

(1) Phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản có đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh hay không;

(2) Số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của hàng hóa có phù hợp với thông tin khai báo và các chứng từ kèm theo hay không;

(3) Thực phẩm nguồn gốc động, thực vật, bao bì và vật liệu lót chuồng có tồn tại các điều kiện trong quy định tại Điều 22 của “Quy định thi hành Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập cảnh” hay không?

(4) Bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm hay không và có bị nhiễm bẩn, hư hỏng, nấm mốc hoặc thấm thấu hay không?

(5) Nhãn, biểu tượng và hướng dẫn trên bao bì bên trong và bên ngoài có đáp ứng các yêu cầu của pháp luật, quy phạm hành chính, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia và quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc hay không?

(6) Các đặc tính cảm quan của thực phẩm có đáp ứng các đặc tính nên có của thực phẩm hay không?

(7) Độ tươi của thực phẩm đông lạnh và làm lạnh, nhiệt độ lõi có đáp ứng yêu cầu không, có biến đổi bệnh lý không, nhiệt độ của môi

trường làm lạnh và đông lạnh có đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn liên quan hay không, thiết bị và phương tiện kiểm soát nhiệt độ dây chuyền lạnh hoạt động bình thường hay không, ghi chép nhiệt độ có đáp ứng các yêu cầu hay không và có thể được thực hiện nếu cần thử nghiệm nấu.

V. QUY ĐỊNH GHI NHÃN VÀ ĐÓNG GÓI THỰC PHẨM

Việc đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng thực phẩm nhập khẩu phải tuân theo luật, quy định và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc; nếu theo quy định cần có hướng dẫn thì phải có hướng dẫn bằng tiếng Trung Quốc.

Đối với các sản phẩm thịt tươi sống và đông lạnh nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và nước xuất khẩu (khu vực), thể hiện rõ như sau: quốc gia (khu vực) xuất xứ, tên sản phẩm, số đăng ký của nhà sản xuất, số lô sản xuất; bao bì bên ngoài phải ghi thông số kỹ thuật, nơi sản xuất (cụ thể đến bang/tỉnh/ thành phố), nơi đến, ngày sản xuất, hạn sử dụng, nhiệt độ bảo quản, v.v., bằng tiếng Trung Quốc, và điểm đến phải ghi rõ là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, cộng với dấu kiểm dịch và kiểm dịch chính thức cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) xuất khẩu.

Đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu, bao bì bên trong và bên ngoài phải có nhãn hiệu chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc bằng tiếng Trung Quốc/ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc và nước (khu vực) xuất khẩu, thể hiện rõ như sau: tên hàng hóa và tên khoa học, thông số kỹ thuật, ngày sản xuất, số lô, thời hạn sử dụng và điều kiện bảo quản, phương thức sản xuất (hải sản đánh bắt biển, đánh bắt nước ngọt, nuôi trồng), khu vực sản xuất (vùng biển đánh bắt hải sản, vùng/quốc gia đánh bắt nước ngọt, sản phẩm nuôi trồng quốc gia/khu vực); tên, số đăng

ký và địa chỉ (cụ thể cho tiểu bang/tỉnh/thành phố) của tất cả các doanh nghiệp sản xuất và chế biến có liên quan (bao gồm tàu đánh cá, tàu chế biến và tàu vận tải, kho lạnh độc lập) và điểm đến bắt buộc phải được ghi chú là Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Nhãn của Trung Quốc đối với thực phẩm chức năng nhập khẩu và thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt phải được in trên bao bì tiêu thụ nhỏ nhất mà không được dán lên.

Trường hợp thực phẩm nhập khẩu có quy định ghi nhãn đặc biệt thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Lưu ý: Trong quá trình giám sát thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu, cơ quan Hải quan phát hiện thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu không dán nhãn tiếng Trung Quốc hoặc nhãn tiếng Trung Quốc không tuân thủ pháp luật, quy định và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia, doanh nghiệp nhập khẩu thực phẩm không chấp hành tiêu hủy, trả lại hoặc xử lý kỹ thuật theo yêu cầu của Hải quan, thì phạt cảnh cáo hoặc phạt tối đa 10 nghìn nhân dân tệ.

VI. TRUY XUẤT NGUỒN GỐC, TRIỆU HỒI SẢN PHẨM

Thông tin về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu do Hải quan thu thập, tổng hợp theo nội dung quy định tại Điều 100 Luật an toàn thực phẩm, bên cạnh đó bao gồm cả thông tin về các biện pháp kỹ thuật thương mại đối với thực phẩm ở nước ngoài.

Hải quan Trung Quốc sẽ tiến hành kiểm tra và xác minh các nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm xuất nhập khẩu cũng như hồ sơ các trang trại trồng trọt và chăn nuôi nguyên liệu

Việc giám sát, quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu tại khu vực giám sát Hải quan đặc biệt, kho giám sát ngoại quan, thị trường bán buôn, thương mại tiểu ngạch biên giới và thương mại hộ cư dân biên giới (Điều 74); Việc giám sát, quản lý an toàn đối với thực phẩm

xuất nhập khẩu qua đường bưu điện, chuyển phát nhanh, thương mại điện tử bán lẻ xuyên biên giới và vận chuyển bởi hành khách nhập cảnh; Thực phẩm phi mậu dịch như hàng mẫu, quà tặng, quà biếu, vật trưng bày, viện trợ, thực phẩm kinh doanh miễn thuế, thực phẩm cho các đại sứ quán và lãnh sự quán nước ngoài tại Trung Quốc và nhân viên của họ ra vào đất nước cho mục đích công và cá nhân, cho các đại sứ quán và cơ quan lãnh sự của Trung Quốc ở nước ngoài, thực phẩm sử dụng cho mục đích công và cá nhân cho nhân viên của các doanh nghiệp Trung Quốc có trụ sở ở nước ngoài. Việc quản lý giám sát được thực hiện theo quy định có liên quan của Tổng cục Hải quan Trung Quốc.



PHẦN 3

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỰC PHẨM, NÔNG SẢN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Để thực hiện “Luật An toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” về việc đăng ký của các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm ở nước ngoài xuất khẩu thực phẩm vào thị trường Trung Quốc, tăng cường hơn nữa công tác quản lý các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, tối ưu hóa thủ tục đăng ký, làm rõ trách nhiệm của các bên, cải tiến các yêu cầu quản lý và nêu bật tính “liêm chính”; Nhằm phát huy vai trò quan trọng hệ thống đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài trong việc quản lý nguồn nhập khẩu thực phẩm an toàn, cần thực hiện “Quy định về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài” (năm 2012). Sau đó, Tổng cục Thanh tra, Giám sát chất lượng và Kiểm dịch đã ban hành Lệnh số 145 và được Tổng cục Hải quan ban hành Lệnh số 243 ngày 23/11/2018 để sửa đổi.

Từ ngày 01/01/2022, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ chính thức áp dụng “Quy định về quản lý đăng ký các nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài” (Lệnh số 248). Nội dung chính như sau:

1. Phạm vi áp dụng

a. Loại hình doanh nghiệp: là đơn vị sản xuất, chế biến và bảo quản (kho thường, kho lạnh) thực phẩm xuất khẩu vào Trung Quốc (không bao gồm doanh nghiệp sản xuất, chế biến, bảo quản phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm).

PP - Doanh nghiệp sản xuất/chế biến;

CS - Doanh nghiệp kho lạnh;

DS - Doanh nghiệp kho thường.

Doanh nghiệp, địa điểm, tàu đánh cá, ... tương ứng có hoạt động sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm là doanh nghiệp sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm.

Doanh nghiệp có địa điểm, kho chứa đựng, bảo quản thực phẩm phù hợp với yêu cầu bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm là doanh nghiệp bảo quản thực phẩm.

b. Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm

Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm thì không đăng ký theo quy định tại Lệnh 248 mà cung cấp thông tin đăng ký qua hệ thống quản lý hồ sơ và nộp đơn đăng ký tại website <http://ire.customs.gov.cn/>. Sau khi gửi thông tin đăng ký, doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm sẽ nhận được số series do hệ thống quản lý hồ sơ cung cấp. Doanh nghiệp có thể sử dụng số series này để kiểm tra quy trình nộp hồ sơ đăng ký và sửa đổi thông tin nộp hồ sơ đăng ký. Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ lưu hồ sơ của các doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu và công bố danh sách trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Thông tin được công bố sẽ bao gồm hoạt động kinh doanh, tên doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu, quốc gia (khu vực).

2. Phạm vi sản phẩm đăng ký

2.1. Sản phẩm thuộc nhóm 18 mặt hàng có rủi ro cao, gồm:

Đối với các doanh nghiệp nước ngoài đã đăng ký thuộc 4 loại sản phẩm (thịt và sản phẩm từ thịt; sản phẩm thủy sản; sản phẩm sữa; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến) thì đăng ký tiếp tục có hiệu lực.

Sản phẩm thuộc 14 loại gồm: ruột (lòng), sản phẩm ong, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu ăn và nguyên liệu dầu, thực phẩm hỗn hợp từ bột mì, ngũ cốc thực phẩm, sản phẩm ngũ cốc công nghiệp và

mạch nha, rau tươi và rau tách nước, đậu khô, gia vị, các loại hạt và hạt giống, quả khô, hạt ca cao và hạt cà phê chưa rang, thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt, thực phẩm chức năng.

1) *Ruột (lòng)*: Là bộ phận của động vật như lòng non, lòng già (đại tràng) và bàng quang của gia súc khỏe mạnh sau khi được gia công đặc thù để cắt bỏ, loại bỏ mỡ, sau đó bóp muối đối với phần còn lại hoặc làm khô; là lớp vỏ để làm xúc xích, lạp xường.

2) *Các sản phẩm từ ong*: Là các chất có thể ăn được do ong mật thu thập mật hoa, chất tiết của ong hoặc dịch ngọt cùng hỗn hợp với chất tiết tự thân qua quá trình lên men hoàn toàn tạo thành và là chất có thể ăn, được tạo thành trong quá trình sinh sản tự nhiên hoặc tạo từ công nghệ đặc biệt bao gồm sữa ong chưa, bột sữa ong chúa, phấn hoa ong, bột sữa ong chúa đông khô.

3) *Trứng và sản phẩm từ trứng, trong đó sản phẩm từ trứng bao gồm:*

- Sản phẩm lòng trứng: Là sản phẩm chế biến từ trứng với nguyên liệu chính là trứng tươi, sau khi bỏ vỏ, gia công xử lý như cả nguyên trứng, lòng đỏ trứng, lòng trắng trứng.

- Sản phẩm trứng khô: Là sản phẩm chế biến từ trứng với nguyên liệu chính là trứng tươi, sau khi bỏ vỏ, gia công xử lý tách đường, làm khô như bột nguyên trứng, bột lòng đỏ trứng, bột lòng trắng trứng.

- Sản phẩm trứng đông đá: Là sản phẩm chế biến từ trứng với nguyên liệu chính là trứng tươi, sau khi bỏ vỏ, gia công xử lý, cấp đông như trứng đông, lòng đỏ trứng đông, lòng trắng trứng đông.

- Trứng tái chế: Là sản phẩm chế biến từ trứng với nguyên liệu chính là trứng tươi, bổ sung hoặc không bổ sung phụ liệu qua xử lý bằng công nghệ muối... như sản phẩm trứng bắc thảo, trứng muối, lòng đỏ trứng muối.

4) *Dầu ăn và nguyên liệu dầu*: Dầu ăn là dầu thực vật dùng để gia công hoặc ăn được làm từ nguyên liệu dầu thực vật và thông qua tinh luyện, phân tách từ 1 hoặc các loại phương thức khác nhau thành sản phẩm đơn hoặc hỗn hợp. Nguyên liệu dầu là các loại hạt dầu thực vật dùng để tách ép dầu ăn, chủ yếu là lạc và vừng...

5) *Bột mỳ nhồi (Bánh có nhân)*: Là sản phẩm đông lạnh nấu chín hoặc chưa nấu chín chế biến có nhân làm từ hỗn hợp nhiều loại nguyên liệu và vỏ từ bột mỳ như bánh bao, bánh chèo ...

6) *Ngũ cốc dùng làm thực phẩm*: Là sản phẩm từ hạt hoặc rễ, thân nhánh của cây trồng như ngũ cốc, chủ yếu gồm các sản phẩm có thể ăn được sau khi sơ chế các loại hạt từ thực vật thân lúa, thân cỏ như gạo, yến mạch, cao lương

7) *Sản phẩm chế biến công nghiệp ngũ cốc và mạch nha*: là loại bột mịn có thể ăn được làm từ hạt hoặc rễ, thân nhánh của cây trồng như ngũ cốc, trái cây, nhân hạt thông qua xay nhỏ và sàng mịn hoặc sản phẩm mạch nha hình thành sau khi chế biến tách nước.

8) *Rau tươi và rau tách nước và đậu khô*: Là rau tươi hoặc sản phẩm rau khô sản xuất từ giữ tươi, tách nước, sấy khô và đậu khô

9) *Hạt cà phê và hạt ca cao chưa rang*

10) *Gia vị*: là sản phẩm dùng trực tiếp có nguồn gốc thực vật từ tự nhiên như quả, hạt, hoa, rễ, cành, lá hoặc cả cây có mùi hương, tạo mùi và điều vị.

11) *Quả hạch và hạt*: Quả cứng là loại quả bao gồm hạt có vỏ cứng của một loài thực vật thân gỗ, gồm hạt điều, quả óc chó, hạt dẻ, hạnh nhân, hạt mắc ca ... Hạt là các loại hạt của các loài thực vật như dưa, quả, rau như hạt bí, hạt dưa...

12) *Quả khô*: Là các sản phẩm khô được chế biến từ quả tươi thông qua hình thức chế biến tách nước như phơi, sấy ...

13) *Thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt*:

- Thực phẩm công thức dành cho trẻ sơ sinh có nguồn gốc từ đậu nành: là loại sản phẩm dạng lỏng hoặc dạng bột dành cho trẻ em được chế biến bằng phương pháp vật lý đối với các nguyên liệu chính từ hạt đậu nành hoặc sản phẩm protetin từ đậu nành có bổ sung vitamin, khoáng chất hoặc các thành phần khác.

- Thực phẩm công thức chuyên dùng cho y tế đặc biệt: là thực phẩm công thức, phối chế gia công chuyên dùng cho các bệnh nhân có trở ngại, hạn chế trong nhai nuốt, rối loạn tiêu hóa hoặc các bệnh nhân có yêu cầu đặc biệt về chất dinh dưỡng hoặc ăn kiêng. Các loại thực phẩm này phải được bác sĩ hoặc chuyên gia dinh dưỡng lâm sàng chỉ định, hướng dẫn dùng gồm ăn trực tiếp sản phẩm hoặc ăn cùng với các loại sản phẩm khác.

- Thực phẩm bổ sung cho trẻ sơ sinh: gồm các loại thực phẩm đóng hộp và ngũ cốc bổ sung cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Thực phẩm bổ sung đóng hộp cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ là thực phẩm nguyên liệu qua chế biến, xử lý, đóng hộp, sát khuẩn hoặc đóng hộp ở điều kiện vô trùng thương mại, có thể bảo quản ở nhiệt độ thường thích hợp sử dụng làm thực phẩm cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên. Ngũ cốc bổ sung cho trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ là thực phẩm bổ sung được gia công, chế biến từ các nguyên liệu chủ yếu là 1 hoặc hỗn hợp các loại hạt ngũ cốc chiếm 25% trở lên thành phần chất khô, bổ sung thêm chất tăng cường dinh dưỡng vừa đủ hoặc các chất hỗ trợ khác, thích hợp sử dụng làm thực phẩm cho trẻ từ 6 tháng tuổi trở lên.

- Các sản phẩm công thức, chế biến chuyên dụng khác như (như thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm dinh dưỡng thể thao), thực phẩm khác nhằm đáp ứng các điều kiện thể chất hoặc sinh lý đặc thù, thực phẩm ăn kiêng đặc biệt hoặc đáp ứng nhu cầu ăn uống đặc biệt của các bệnh, rối loạn tiêu hóa.

14. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (thực phẩm chức năng): là thực phẩm như tên gọi và có tác dụng bảo vệ sức khỏe nhất định hoặc

thực phẩm nhằm bổ sung các vitamin, khoáng chất, thích hợp với một bộ phận người đặc thù với tác dụng nâng cao đề kháng cơ thể, không có mục đích chữa bệnh và không có nguy hại cấp tính, mãn tính nào đối với cơ thể người.

Chú ý: Nhóm sản phẩm đã có giao thương giữa Việt Nam và Trung Quốc

Quốc gia (vùng lãnh thổ)	Thực phẩm nguồn gốc từ thực vật	Thực phẩm chế biến
Việt Nam	<p>Hoa hồi, lá lốt (hoa), Mít khô, Đinh hương, Đậu khấu, Quả hạch Brazil khô (bao gồm các loại quả hạch Brasil khác, quả Bào ngư), Dứa khô, Đậu đỏ khô, Cau khô, Óc chó khô tách vỏ/chưa tách vỏ, Hạt dẻ cười tách vỏ/chưa tách vỏ, Hạt mắc ca khô, Hạt phỉ khô (hạt dẻ), Đỗ xanh khô, Quả sung khô, Chuối khô (chuối tiêu, chuối tây), Hạt điều khô, Dừa khô, Củi dừa khô, Khoai sọ khô, Dừa biển khô (<i>Lodoicea maldivica</i>), Hạt dưa đỏ, Hồ tiêu, Lạc, Nghệ, Hạt thì là, Hạnh nhân đắng, Hạnh nhân ngọt, Ớt khô, Hạt hương nhu (hạt é (<i>Occimum Gratissimum</i>)), Vải quả khô, Hạt sen, Long nhãn khô, Hạt ý dĩ (hạt bo bo, hạt mạch) tách vỏ, Vỏ quế và Hoa quế, Gừng, Hạt đậu tằm tươi hoặc bảo quản lạnh, Cải thảo tươi hoặc bảo quản lạnh, Cải xoăn (cải ngồng) tươi hoặc bảo quản lạnh, Ớt tươi hoặc bảo quản lạnh (gồm ớt ngọt), Hành (<i>Allium fistulosum</i>) tươi hoặc bảo quản lạnh, Củ mài (<i>Dioscorea oppositifolia</i> L.) tươi hoặc bảo quản lạnh, Đậu Hà Lan tươi hoặc bảo quản lạnh (tách vỏ/không tách vỏ), Hành tây (củ) tươi và bảo quản lạnh, Bột lúa mì, Lúa mạch, Quả cọ và hạt cọ dầu, Vừng, Bột mì nhồi (bánh bột mì có nhân), Dầu thực vật.</p>	Hạt cà phê chưa rang

2.2. Nhóm sản phẩm không phải đăng ký qua cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm không thuộc nhóm 18 mặt hàng đã nêu tại mục 2.1 thì trực tiếp đăng ký hoặc ủy quyền cho đại lý thực hiện đăng ký theo quy định tại điều 9 của Lệnh 248, đăng ký trực tuyến trên website <https://singlewindow.cn>.

3. Phân loại đăng ký theo cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

3.1. Nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc danh mục 18 loại thuộc thẩm quyền đăng ký của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, gồm:

Cơ quan có thẩm quyền quốc gia về đăng ký xuất khẩu là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm của Việt Nam (Quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ), cụ thể:

TT	Phạm vi đăng ký	Cơ quan có thẩm quyền
1.	Thực phẩm có nguồn gốc thực vật	<p>Cục Bảo vệ thực vật, Bộ NN&PTNT (Phòng An toàn thực phẩm và Môi trường)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội. - Điện thoại: 024.3533.4036/024.3537.9743 - Email qlattpmt.bvtv@mard.gov.v - Website: https://www.ppd.gov.vn
2	Thực phẩm có nguồn gốc động vật	<p>Cục Thú y, Bộ NN&PTNT (Phòng Hợp tác Quốc tế và truyền thông)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 15/78 đường Giải Phóng, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội. - Điện thoại: 024.3869.3605; - Email: htqt.dahvn@gmail.com - Website: http://cucthuy.gov.vn

3	Thực phẩm có nguồn gốc thủy sản	<p>Cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản, Bộ NN&PTNT (Phòng Chất lượng thủy sản 1) - Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội. - Điện thoại: 024.3831.0983 - E-mail: nafiqad@mard.gov.vn; cctb.nafi@mard.gov.vn - Website: www.nafiqad.gov.vn</p>
4	Thực phẩm thuộc nhóm dầu thực phẩm, bánh bột mỳ có nhân, sản phẩm công nghiệp xay xát ngũ cốc và mạch nha.	<p>Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương - Địa chỉ: Số 54, Hai Bà Trưng, Hà Nội - Điện thoại: 024.222.02412; - Email: Thangngm@moit.gov.vn</p>
5	Thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt và thực phẩm chức năng	<p>Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế (Phòng Pháp chế - Thanh tra) - Địa chỉ: Ngõ 135 Núi Trúc, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: 024.38464489-024.38463702; - Email: vfa@vfa.gov.vn</p>

(Tham khảo chi tiết danh mục hàng hoá tại phần Phụ lục)

Trừ trường hợp đặc biệt có quy định riêng đối với các tài liệu xin đăng ký và phương thức đăng ký cho doanh nghiệp liên quan sản phẩm nêu trên giữa Cơ quan thẩm quyền Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc thì sẽ căn cứ theo quy định đó để thực hiện, nếu không thì hồ sơ phải nộp online qua hệ thống đăng ký.

Đối với doanh nghiệp sản xuất nước ngoài của 14 loại sản phẩm (bao gồm: ruột (lòng), sản phẩm ong, trứng và sản phẩm từ trứng, Dầu ăn và nguyên liệu dầu, thực phẩm hỗn hợp từ bột mỳ, ngũ cốc thực phẩm, sản phẩm ngũ cốc công nghiệp và mạch nha, rau tươi và rau tách

nước, đậu khô, gia vị, các loại hạt và hạt giống, quả khô, hạt ca cao và hạt cà phê chưa rang, thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt, thực phẩm chức năng), từ ngày 01/11/2021, các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu nước ngoài sẽ tiến hành xin đăng ký theo quy định có liên quan tại Điều 8 của “Quy định đăng ký”.

4. Điều kiện đăng ký

Doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của Việt Nam đã được Tổng cục Hải quan Trung Quốc đánh giá, xét duyệt là tương đương;
- b) Được chấp thuận thành lập và chịu sự giám sát hiệu quả của cơ quan có thẩm quyền liên quan của Việt Nam;
- c) Thiết lập hệ thống bảo vệ và quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm hiệu quả, sản xuất và xuất khẩu hợp pháp tại Việt Nam và đảm bảo rằng thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc đáp ứng các luật và quy định liên quan và các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc;
- d) Tuân thủ thỏa thuận do Tổng cục Hải quan Trung Quốc và Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về các yêu cầu liên quan trong kiểm tra, kiểm dịch.

5. Phương thức đăng ký và hồ sơ

Thực hiện 02 (hai) kênh đăng ký sau:

- a) 18 nhóm các loại thực phẩm sau đây do Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam đề nghị đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm xem xét, kiểm tra các doanh nghiệp được đề nghị đăng ký, sau khi xác nhận doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đăng ký, đề nghị đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc và nộp các tài liệu sau:

- a1. Công văn giới thiệu của Cơ quan có thẩm quyền đăng ký xuất khẩu của Việt Nam;
- a2. Danh sách doanh nghiệp và đơn đăng ký doanh nghiệp;
- a3. Giấy tờ chứng minh tư cách doanh nghiệp (như giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam nơi doanh nghiệp đặt trụ sở cấp...);
- a4. Công bố của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giới thiệu doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của quy định này;
- a5. Báo cáo thẩm tra có liên quan của Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam về việc kiểm tra, xét duyệt đối với doanh nghiệp.

Khi cần thiết, Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thể yêu cầu các tài liệu về hệ thống an toàn, vệ sinh và bảo vệ thực phẩm của công ty, chẳng hạn như sơ đồ mặt bằng của nhà máy, phân xưởng và kho lạnh của công ty, cũng như sơ đồ quy trình.v.v.

b) Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm không phải là thực phẩm nêu tại mục a) Quy định này thì tự nộp hồ sơ đăng ký hoặc ủy thác đại lý thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc và hồ sơ xin đăng ký bao gồm:

- b1. Đơn đăng ký kinh doanh;
 - b2. Giấy tờ chứng minh tư cách doanh nghiệp (như giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nơi doanh nghiệp đặt trụ sở cấp...);
 - b3. Bản cam kết tuyên bố của doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của quy định này.
- c) Nội dung đơn đăng ký doanh nghiệp bao gồm thông tin như: *tên doanh nghiệp, nơi đặt trụ sở, địa chỉ nơi sản xuất, người đại diện theo pháp luật, người liên hệ, thông tin liên hệ, số đăng ký được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận, loại thực phẩm được đăng ký, loại hình sản xuất, năng lực sản xuất, v.v.*

d) Ngôn ngữ đăng ký sử dụng: Các tài liệu đăng ký sẽ được nộp bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh (*trường hợp có thỏa thuận khác về phương thức đăng ký và tài liệu đăng ký, thì sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên*).

e) Lưu ý:

Nội dung chi tiết và biểu mẫu của từng văn bản, tài liệu cần tuân thủ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

6. Cách thức đăng ký tài khoản trên hệ thống trực tuyến

6.1. Hệ thống website đăng ký của Tổng cục Hải Quan Trung Quốc

Địa chỉ truy cập hệ thống đăng ký: <https://cifer.singlewindow.cn/>;

Hoặc cũng có thể được truy cập thông qua cổng thương mại quốc tế một cửa Trung Quốc <https://www.singlewindow.cn/> trang chủ hoặc “ứng dụng phiên bản tiêu chuẩn - Hệ thống quản lý đăng ký cho các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài”.

Các nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu đã đăng ký ở nước ngoài có thể kiểm tra số đăng ký của nhà máy, doanh nghiệp tại Trung Quốc, thời hạn hiệu lực và các thông tin khác trên trang web chính thức của Tổng cục Hải quan Trung Quốc hoặc hệ thống đăng ký.

6.2. Đăng ký tài khoản

a. Nếu là doanh nghiệp tự đăng ký tài khoản: doanh nghiệp có thể tự thực hiện mở tài khoản trên hệ thống <https://singlewindow.cn> và sau đó gửi đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý xác nhận tài khoản, sau khi tài khoản được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền là hoàn thành việc đăng ký tài khoản;

b. Nếu là đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp tài khoản: doanh nghiệp gửi đề nghị tới cơ quan có thẩm quyền (*theo hướng dẫn chi tiết của cơ quan quản lý trực tiếp, xem trong các phụ lục kèm theo*), tài

khoản do cơ quan có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp không phải thực hiện bước xác nhận tài khoản (như điểm a nêu trên);

c. Đối với các doanh nghiệp nhiều nhóm sản phẩm, thuộc và không thuộc 18 nhóm mặt hàng đã nêu tại mục 1 thì đề nghị tài khoản doanh nghiệp nên được cấp bởi cơ quan chức năng quản lý có thẩm quyền ngay từ đầu.

6.3. Nộp hồ sơ xin cấp phép xuất khẩu sản phẩm

a. Doanh nghiệp thực hiện các thao tác đăng ký sản phẩm xuất khẩu sau khi đăng ký tài khoản thành công (hướng dẫn có thể tham khảo bản gốc trên hệ thống trực tuyến và tài liệu hướng dẫn dành cho doanh nghiệp).

b. Cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài đăng ký phải xác nhận chủng loại sản phẩm của mình và nộp đơn theo cách tương ứng tuân thủ các quy định này.

c. *Lưu ý: để phân loại hồ đăng ký xuất khẩu, doanh nghiệp cần xác định mã Hs Code của sản phẩm đăng ký xuất khẩu, có thể tra cứu trên tính năng "Product type query" để biết về phân loại hồ sơ đối với mặt hàng dự kiến đăng ký xuất khẩu. Đối với sản phẩm được ghi chú "Yes" đối với yêu cầu "Official recommendation", hồ sơ cần phải đăng ký thông qua Cơ quan có thẩm quyền nước (khu vực).*

6.4. Hoàn thiện hồ sơ trên hệ thống đăng ký online

Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm đã đăng ký đối với 18 sản phẩm nói trên nếu chưa hoàn chỉnh thông tin và tài liệu kiểm tra, đề nghị cơ quan thẩm quyền của Việt Nam phối hợp bổ sung đầy đủ các thông tin có liên quan thông qua Ứng dụng quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài trước ngày 30/6/2023.

6.5. Đánh giá và thông báo kết quả

Tổng cục Hải quan Trung Quốc trực tiếp hoặc ủy thác cho các cơ quan liên quan tổ chức đoàn đánh giá, tiến hành đánh giá, rà soát

các doanh nghiệp đăng ký thông qua hình thức kiểm tra bằng văn bản, **video**, kiểm tra tại chỗ và các hình thức khác, hoặc tổ hợp. Đoàn đánh giá bao gồm từ 2 người trở lên xem xét đánh giá.

Doanh nghiệp và Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc trên cơ sở tình trạng đánh giá, xét duyệt đăng ký, sẽ cấp số đăng ký tại Trung Quốc cho các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, đồng thời thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc doanh nghiệp liên quan bằng văn bản; nếu Doanh nghiệp không đáp ứng yêu cầu sẽ không phê duyệt đăng ký và sẽ thông báo bằng văn bản cho Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc doanh nghiệp liên quan.

7. Sử dụng mã đăng ký

Khi doanh nghiệp đã đăng ký xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, trên bao bì bên trong và bên ngoài của thực phẩm phải ghi số đăng ký tại Trung Quốc hoặc số đăng ký được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

8. Hiệu lực đăng ký

Thời hạn hiệu lực đăng ký đối với doanh nghiệp là **5 năm** (ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn hiệu lực đăng ký do Tổng cục Hải quan Trung Quốc xác định).

9. Thay đổi thông tin đăng ký

Trong thời hạn đăng ký hiệu lực, nếu thông tin đăng ký của doanh nghiệp thay đổi thì phải nộp hồ sơ thay đổi thông tin qua Kênh đăng ký tương ứng (*trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi*, theo điều 20 Biện pháp quản lý an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu tại Lệnh 249 Tổng cục Hải quan Trung Quốc) và nộp hồ sơ, tài liệu sau:

- a) Bảng đối chiếu thông tin thay đổi theo mục đăng ký;
- b) Các tài liệu chứng minh liên quan đến thông tin thay đổi.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc xem xét chấp thuận thay đổi nếu phù hợp *trừ trường hợp do chuyển địa điểm sản xuất, thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi số đăng ký do Việt Nam cấp, thì phải tiến hành đăng ký mới lại và số đã đăng ký tại Trung Quốc sẽ tự động hết hiệu lực.*

10. Gia hạn đăng ký

Doanh nghiệp có nhu cầu gia hạn đăng ký thì trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng trước khi hết thời hạn đăng ký phải nộp hồ sơ gia hạn đăng ký đến Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông qua Kênh đăng ký.

Hồ sơ gia hạn đăng ký bao gồm:

- a) Đơn xin gia hạn đăng ký;
- b) Bản cam kết sẽ tiếp tục đáp ứng các yêu cầu đăng ký.

Các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đăng ký sẽ được Tổng cục Hải quan Trung Quốc gia hạn đăng ký, và thời hạn hiệu lực của đăng ký sẽ được gia hạn 5 năm.

11. Các trường hợp bị hủy đăng ký:

Hủy đăng ký, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc doanh nghiệp và công bố thông tin:

- a) Không thực hiện thủ tục gia hạn đăng ký theo yêu cầu;
- b) Cơ quan có thẩm quyền hoặc doanh nghiệp tự nguyện xin hủy đăng ký;
- c) Không còn đáp ứng các yêu cầu của Khoản (b), Mục 4 của hướng dẫn này.

Hủy đăng ký và thông cáo:

- a) Do nguyên nhân của chính doanh nghiệp dẫn đến xảy ra sự cố lớn về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu;

- b) Phát hiện các vấn đề về an toàn thực phẩm được trong quá trình kiểm tra và kiểm dịch nhập cảnh đối với thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc với tình hình nghiêm trọng;
- c) Công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm của doanh nghiệp có vấn đề lớn, thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc không đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm;
- d) Vẫn không đáp ứng các yêu cầu đăng ký sau khi tiến hành sửa đổi;
- e) Cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc che giấu thông tin liên quan;
- f) Từ chối phối hợp với Tổng cục Hải quan Trung Quốc trong việc giám định lại và điều tra sự cố;
- g) Cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, bán lại hoặc gian lận số đăng ký.

12. Các trường hợp tạm dừng và yêu cầu khắc phục

Trường hợp Doanh nghiệp đã đăng ký bị phát hiện không còn đáp ứng yêu cầu đăng ký, Hải quan Trung Quốc sẽ yêu cầu khắc phục trong thời hạn quy định và đình chỉ nhập khẩu thực phẩm có liên quan của doanh nghiệp trong thời gian khắc phục.

II. QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

Có trách nhiệm xem xét, kiểm tra các doanh nghiệp được đề nghị đăng ký, sau khi xác nhận doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đăng ký, đề nghị đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Nộp các tài liệu theo quy định và chịu trách nhiệm về tính xác thực, đầy đủ và hợp pháp của các tài liệu được nộp đối với trường hợp đăng ký qua cơ quan có thẩm quyền.

Giám sát hiệu quả doanh nghiệp đã đăng ký, đôn đốc doanh

ngành tiếp tục đáp ứng các yêu cầu đăng ký, nếu thấy không đáp ứng các yêu cầu đăng ký, thì ngay lập tức thực hiện các biện pháp kiểm soát và đình chỉ xuất khẩu thực phẩm có liên quan của doanh nghiệp sang Trung Quốc cho đến khi việc khắc phục đáp ứng các yêu cầu đăng ký.

Trường hợp doanh nghiệp do Cơ quan có thẩm quyền đề nghị đăng ký bị đình chỉ nhập khẩu, Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm giám sát doanh nghiệp hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn quy định và báo cáo khắc phục bằng văn bản và bản cam kết tuyên bố tuân thủ các yêu cầu đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

2. Doanh nghiệp

Trường hợp tự phát hiện không đáp ứng yêu cầu đăng ký thì chủ động tạm dừng xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục điều chỉnh cho đến khi đáp ứng yêu cầu đăng ký theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp bị tạm ngừng nhập khẩu thì phải hoàn thành việc khắc phục trong thời hạn quy định và có văn bản báo cáo khắc phục và văn bản xác nhận phù hợp với yêu cầu đăng ký gửi đến Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

3. Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Chịu trách nhiệm quản lý thống nhất việc đăng ký và công bố danh sách doanh nghiệp đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc.

Chịu trách nhiệm tổ chức đoàn đánh giá (trực tiếp hoặc ủy thác cho các cơ quan liên quan) tiến hành kiểm tra lại việc doanh nghiệp có tiếp tục đáp ứng yêu cầu đăng ký hay không?

Trên cơ sở tình trạng đánh giá, xét duyệt đăng ký, sẽ cấp số đăng ký hoặc không phê duyệt đăng ký và phải đồng thời thông báo cho

cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) hoặc doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài nhập khẩu liên quan bằng văn bản.

Phục hồi nhập khẩu thực phẩm cho doanh nghiệp trên cơ sở xem xét tình hình sửa đổi của doanh nghiệp, nếu việc kiểm tra doanh nghiệp đạt yêu cầu.

III. QUY ĐỊNH KHÁC

Nếu Tổ chức quốc tế hoặc Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất khẩu đưa ra thông báo về dịch bệnh, hoặc nếu thực phẩm liên quan được phát hiện có vấn đề nghiêm trọng như dịch bệnh hoặc sự cố sức khỏe cộng đồng trong quá trình kiểm tra và kiểm dịch nhập cảnh, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ thông báo ngừng nhập khẩu thực phẩm từ quốc gia xuất khẩu, sẽ không tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có liên quan của quốc gia đó trong thời gian này.

IV. XỬ LÝ VƯỚNG MẮC

Cơ quan thẩm quyền hoặc doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu Việt Nam phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh và hợp pháp của các tài liệu giao nộp. Cơ quan thẩm quyền của Việt Nam nên quản lý hiệu quả đối với các doanh nghiệp đã đăng ký tại Trung Quốc và đôn đốc các doanh nghiệp đăng ký tại Trung Quốc đảm bảo việc đáp ứng điều kiện đăng ký trong suốt thời gian có hiệu lực của đăng ký. Phát hiện không phù hợp yêu cầu đăng ký đề nghị căn cứ theo Điều 22 “Quy định đăng ký” chủ động áp dụng các biện pháp thực hiện.

Theo Lệnh 248 và phân tích rủi ro, các loại hình doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài được phân loại và áp dụng các phương pháp đăng ký khác nhau. Nó được chia thành hai loại: đăng ký do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) đề nghị và đăng ký do doanh nghiệp tự đăng ký.

PHẦN 4

HỎI ĐÁP VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM (LỆNH 249) VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (LỆNH 248)

1. Hỏi: Đối với các doanh nghiệp có sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm gồm: sản phẩm thủy sản; sản phẩm sữa và trước đó đã được cấp mã xuất khẩu vào Trung Quốc trước ngày 01/01/2022 thì khi Lệnh 248 có hiệu lực, các mã này có còn hiệu lực hay không?

Trả lời: Các mã này tiếp tục có hiệu lực theo quy định đã thỏa thuận giữa Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc trước đó.

2. Hỏi: Công ty tôi chỉ kinh doanh thương mại và làm đại lý xuất khẩu thì có phải đăng ký theo lệnh 248 hay không?

Trả lời: Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm thì không đăng ký theo quy định tại Lệnh 248 mà cung cấp thông tin đăng ký qua hệ thống quản lý hồ sơ và nộp đơn đăng ký tại website <http://ire.customs.gov.cn/>. Sau khi gửi thông tin đăng ký, doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm sẽ nhận được số series do hệ thống quản lý hồ sơ cung cấp. Doanh nghiệp có thể sử dụng số series này để kiểm tra quy trình nộp hồ sơ đăng ký và sửa đổi thông tin nộp hồ sơ đăng ký. Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ lưu hồ sơ của các doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu và công bố danh sách trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Thông tin được công bố sẽ bao gồm hoạt động kinh doanh, tên doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu, quốc gia (khu vực).

Lệnh 248 chỉ áp dụng cho phạm vi doanh nghiệp chế biến – sản xuất - bảo quản, không áp dụng cho doanh nghiệp thương mại, đại lý xuất khẩu.

3. Hỏi: Công ty tôi trước đó không được biết thông tin về đợt đăng ký nhanh tại thời điểm 31/10/2021 do vậy chưa kịp nộp hồ sơ, vậy hiện chúng tôi có được nộp hồ sơ bổ sung hay không?

Trả lời: Công ty nộp hồ sơ đăng ký mã số xuất khẩu vào Trung Quốc theo quy định được áp dụng từ ngày 01/01/2022 Lệnh 248 nếu đăng ký sau thời điểm triển khai đăng ký nhanh (ngày 31/10/2021).

4. Hỏi: Hiện nay đối với hồ sơ đăng ký theo quy định đã được thỏa thuận trước đó là hồ sơ mã số vùng trồng và mã số doanh nghiệp đóng gói cho trái cây tươi có được thực hiện đăng ký theo quy định 248 không hay thực hiện theo quy định thỏa thuận trước đó giữa Việt Nam và Trung Quốc?

Trả lời: Hồ sơ đăng ký xuất khẩu trái cây tươi hiện nay chưa được thực hiện theo phương thức đăng ký online trên hệ thống thương mại một cửa của Hải quan Trung Quốc và tiếp tục thực hiện theo hình thức công hàm giới thiệu từ Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

5. Hỏi: Trước đây sản phẩm thủy sản được xuất khẩu sang Trung Quốc theo thỏa thuận giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam bằng hình thức công hàm giới thiệu, vậy hiện nay cơ quan thẩm quyền có được thực hiện giống như trước đó hay không?

Trả lời: Trước ngày 01/01/2022, cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực xuất khẩu) có thể sử dụng hai hình thức: Đăng ký trên website: singlewindow.cn hoặc theo phương thức hiện hành giữa hai bên. Sau ngày 01/01/2022, cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng nhập trên website: singlewindow.cn của Tổng cục Hải quan Trung Quốc để thực hiện đăng ký. Nếu Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu và Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thỏa thuận về tài liệu và phương thức đăng ký cho 18 loại sản phẩm trong danh mục đã nêu tại điều 7, Lệnh 248, hồ sơ đăng ký

doanh nghiệp nước ngoài bắt đầu từ thời điểm 01/01/2022 sẽ nộp qua hệ thống trực tuyến.

6. Hỏi: làm thế nào để tra cứu Hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp?

Trả lời: Hồ sơ đăng ký của các doanh nghiệp tự đăng ký có thể được tra cứu trên đường link đăng ký của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (sử dụng tên và tài khoản đã đăng ký) của doanh nghiệp tra cứu về thông tin về kết quả, xử lý bổ sung hồ sơ, trạng thái hồ sơ... Toàn bộ hồ sơ, thông tin đăng ký của doanh nghiệp khi đăng nhập hệ thống đều bảo mật thông tin. Tài khoản đăng ký của doanh nghiệp (tên tài khoản, mật khẩu) phải tự bảo quản, không chia sẻ để tránh thất thoát thông tin. Hình thức đăng ký doanh nghiệp qua Cơ quan có thẩm quyền và hình thức doanh nghiệp tự đăng ký có thể được thực hiện đồng thời.

7. Hỏi: Doanh nghiệp chúng tôi có nhiều sản phẩm thì có được sử dụng chung một mã xuất khẩu vào Trung Quốc không?

Trả lời: Khi đăng ký doanh nghiệp, mỗi một sản phẩm của mỗi một doanh nghiệp sẽ được Tổng cục Hải quan cấp một mã số riêng. Doanh nghiệp có nhiều sản phẩm sẽ được cấp các mã tương ứng. Cho phép 01 nhà máy sản xuất đăng ký nhiều sản phẩm với Tổng cục Hải quan Trung Quốc, không cho phép nhiều nhà máy sản xuất sử dụng 1 mã đăng ký.

8. Hỏi: Hàng của công ty đã được vận chuyển đến cảng nhưng bị từ chối không thông quan do chưa có mã số hàng hóa?

Trả lời: Từ 01/01/2022, khi khai báo thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, hồ sơ phải khai mã do Tổng cục Hải quan Trung Quốc cấp. Trường hợp chưa hoàn thành đăng ký thì lô hàng đó sẽ không được thông quan.

9. Hỏi: Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay

đổi mã số đăng ký do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu thì mã số đăng ký tại Trung Quốc có còn hiệu lực hay không?

Trả lời: Căn cứ điều 19, Lệnh 248, khi thay đổi người đại diện pháp luật của doanh nghiệp/nhà máy đăng ký hoặc mã số đăng ký do Cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp thay đổi thì không thực hiện theo hình thức thay đổi đăng ký để điều chỉnh mà thực hiện nộp hồ, tài liệu đăng ký mới theo quy trình đăng ký trên hệ thống. Sau khi hồ sơ đăng ký mới thông qua, mã số được cấp trước đó tại Tổng cục Hải quan Trung Quốc tự động hủy. Trước thời điểm doanh nghiệp cấp mã số đăng ký mới tại Tổng cục Hải quan Trung Quốc thì căn cứ mã số đã được cấp để khai báo thông quan, kể từ thời điểm có hiệu lực của mã số đăng ký mới, doanh nghiệp phải căn cứ mã số mới để khai báo thông quan.

10. Hỏi: Có quy định bắt buộc về việc in mã số đăng ký tại Trung Quốc trên bao bì sản phẩm không?

Trả lời: Về việc in mã số đăng ký doanh nghiệp trên bao bì sản phẩm: theo quy định của Lệnh 248, mã số đăng ký doanh nghiệp trên nhãn có thể sử dụng mã số của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp hoặc mã số cấp bởi Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nếu doanh nghiệp không kịp sử dụng mã số đăng ký do phía Trung Quốc cấp thì có thể sử dụng mã số doanh nghiệp đã được Việt Nam cấp để in trên bao bì thực phẩm nhập khẩu. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/01/2022 khuyến nghị in mã số được Hải quan Trung Quốc cấp trên bao bì của sản phẩm.

11. Hỏi: Hiện nay, phía Việt Nam được biết có 02 kênh đăng ký gồm: (i) đăng ký tại website: singlewindow.cn; (ii) đăng ký tại website: ire.customs.gov.cn. Trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký ở cả 02 kênh này thì có xảy ra trường hợp bị trùng mã, lệch mã khi được cấp mã hay không và có ảnh hưởng đến việc thực hiện khai báo thông tin thông quan hay không?

Trả lời: Không xảy hiện tượng trùng mã khi đăng ký trên cả hai hệ thống website.

12. Hỏi: Đối với doanh nghiệp đăng ký xuất khẩu thủy sản sống vào Trung Quốc dùng làm thực phẩm, hồ sơ đăng ký và phương thức đăng ký có thực hiện theo quy định của Lệnh 248, 249 không?

Trả lời: Kể từ ngày 01/01/2022 hồ sơ thực hiện đăng ký cho 18 loại phải thực hiện đăng ký qua hệ thống đăng ký của TCHQ Trung Quốc, trong đó bao gồm có sản phẩm thủy sản.

13. Hỏi: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký như thế nào?

Trả lời: Trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền liên quan ở nước ngoài và Tổng cục Hải quan có thỏa thuận khác về phương thức và thành phần hồ sơ, hồ sơ đăng ký, điều chỉnh, tiếp tục, hủy bỏ đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài phải nộp thông qua Hệ thống quản lý đăng ký hàng hóa nhập khẩu ở nước ngoài. Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm (sao chép và thông qua Trình duyệt để mở trang web: <https://cifer.singlewindow.cn>), hoặc thông qua trang web của Cổng thương mại quốc tế Trung Quốc Một cửa (sao chép và mở trang web thông qua trình duyệt: www.singlewindow.cn) Đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài Quản lý quyền truy cập hệ thống.

The image shows a screenshot of the 'China Import Food Enterprises Registration' system. The page has a blue header with the system name in Chinese and English. The main content area is white and contains a 'LOGIN OR REGISTER' form. The form includes fields for 'Username', 'Password', and 'Enter Code Shown in Image' (with a CAPTCHA image showing 'A882'). There are two buttons: 'Sign in' and 'Create an Account'. At the bottom, there is a link for 'Not a Overseas Manufacturing Enterprise? Click Here'.

Theo mức độ rủi ro của sản phẩm, có hai cách để đăng ký doanh nghiệp sản xuất ở nước ngoài:

1. Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi nó đặt trụ sở được đề nghị đăng ký. 18 loại hình doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài liệt kê tại Điều 7 của “Quy chế đăng ký” sẽ được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở giới thiệu, cấp số tài khoản hệ thống đăng ký và nộp hồ sơ đăng ký trên hệ thống theo các thủ tục. Số tài khoản hệ thống đăng ký của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài do Tổng cục Hải quan ấn định.

2. Doanh nghiệp xin đăng ký. Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm ở nước ngoài không thuộc 18 loại được liệt kê tại Điều 7 của “Quy chế đăng ký” phải tự đăng ký tài khoản hệ thống đăng ký và nộp hồ sơ theo quy trình của hệ thống đăng ký.

Để biết hướng dẫn xử lý chi tiết và các tài liệu đính kèm liên quan, vui lòng tham khảo chuyên mục hướng dẫn xử lý “Internet + Hải quan” trên trang web của Tổng cục Hải quan → Chấp thuận hành chính → Đăng ký nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài → “Hướng dẫn đăng ký nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài”.

14. Hỏi: Tôi có thể kiểm tra danh mục sản phẩm và mã số sản phẩm liên quan đến việc đăng ký nhà sản xuất ở nước ngoài ở đâu?

Trả lời: Đăng nhập vào hệ thống quản lý đăng ký cho các nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài, và chuyển đến menu trang chủ - truy vấn danh mục sản phẩm.

15. Hỏi: Từ khai nhập khẩu có cần điền số đăng ký của nhà sản xuất ở nước ngoài tại Trung Quốc không?

Trả lời: Có yêu cầu. Thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, phải được ghi mã số đăng ký tại Trung Quốc trong

cột giấy chứng nhận của “Đăng ký các nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài” trong mục “tư cách sản phẩm” của tờ khai hải quan.

Không điền đủ thông tin thì không được thụ lý tờ khai.

16. Hỏi: Các yêu cầu áp dụng về đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng trong các Biện pháp Hành chính dựa trên ngày nhập khẩu hoặc ngày sản xuất không?

Trả lời: Theo ngày sản xuất. Điều 15 của “Quy định đăng ký”, “Khi một doanh nghiệp đã đăng ký xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, doanh nghiệp đó sẽ đánh dấu số đăng ký tại Trung Quốc hoặc số đăng ký được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (khu vực) phê duyệt (ưu tiên đăng ký mã số tại trung quốc) trên bao bì bên trong và bên ngoài của thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc.”, cũng như các yêu cầu về đóng gói, ghi nhãn và nhận dạng tại Điều 30 của Biện pháp Hành chính, áp dụng đối với thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc được sản xuất từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Các yêu cầu về đóng gói, ghi nhãn và ghi nhãn của thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc được sản xuất trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 sẽ áp dụng theo các yêu cầu ban đầu.

17. Hỏi: Thời hạn đăng ký của cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài là bao lâu?

Trả lời: 5 năm. Các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu đã đăng ký ở nước ngoài sẽ tiếp tục có hiệu lực. Trong khoảng thời gian từ 6 đến 3 tháng trước khi hết thời hạn đăng ký, doanh nghiệp đã đăng ký phải xin gia hạn đăng ký theo các yêu cầu liên quan tại Điều 20 của “Quy chế đăng ký”.

Doanh nghiệp không thực hiện đăng ký gia hạn theo yêu cầu sẽ bị Tổng cục Hải quan hủy đăng ký.

18. Hỏi: Làm thế nào để một nhà sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài có được tài khoản để đăng ký?

Trả lời: Trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền liên quan ở nước ngoài và Tổng cục Hải quan Trung Quốc có thỏa thuận khác về phương thức áp dụng và nguyên liệu áp dụng, 18 loại hình doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài được liệt kê trong Điều 7 của Lệnh số 248 sẽ được thiết lập bởi các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia (Khu vực) chỉ định số tài khoản hệ thống đăng ký của họ và nộp đơn đăng ký thông qua hệ thống đăng ký theo quy trình. Số tài khoản hệ thống đăng ký của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài do Tổng cục Hải quan Trung Quốc cấp.

Tài khoản này có thể áp dụng cho các sản phẩm trong 18 danh mục và cũng có thể áp dụng cho các sản phẩm ngoài 18 danh mục. Các sản phẩm liên quan bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất ở nước ngoài “đề nghị đăng ký” và “tự đăng ký”. Nên liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp tài khoản hệ thống, không nên tự đăng ký tài khoản hệ thống.

Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm ở nước ngoài không thuộc 18 loại được liệt kê tại Điều 7 của Lệnh số 248 phải tự đăng ký tài khoản hệ thống và nộp hồ sơ theo quy trình của hệ thống đăng ký. Đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm ở nước ngoài do doanh nghiệp tự đăng ký hoặc được ủy thác đăng ký (ngoài 18 ngành hàng) thì doanh nghiệp ở nước ngoài có thể tự đăng ký tài khoản hệ thống và chỉ được đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm ở nước ngoài khác ngoài 18 danh mục.

19. Hỏi: Doanh nghiệp nước ngoài có thể đăng ký nhiều tài khoản sử dụng được không? Có thể sử dụng một số đăng ký cho nhiều cơ sở sản xuất hay không?

Trả lời: Doanh nghiệp ở nước ngoài chỉ có thể đăng ký một tài khoản duy nhất. Một địa điểm sản xuất hoặc một tên doanh nghiệp có thể xin nhiều số đăng ký tại Trung Quốc cho các danh mục sản phẩm khác nhau. Nhiều cơ sở sản xuất hoặc nhiều doanh nghiệp chế biến không được phép sử dụng một số đăng ký ở Trung Quốc.

PHỤ LỤC**PHỤ LỤC I****DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;
HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ**

*(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)*

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thực phẩm chức năng	
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
5	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
6	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay sát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...)	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	

1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng, ...)	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,... của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến)	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do Bộ Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực, ...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do Bộ Y tế quản lý.
IV	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đông hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý.

V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đông bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do Bộ Công Thương quản lý.
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do Bộ Y tế quản lý.
VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	

X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt, ...)	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do Bộ Công Thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Tương, nước chấm	
4	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XI	Đường	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn	
2	Đường khác (kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen)	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
XII	Chè	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mít, kẹo có chứa chè do Bộ Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do Bộ Công Thương quản lý.

XIII	Cà phê	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê do Bộ Công Thương quản lý.
XIV	Ca cao	
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do Bộ Công Thương quản lý
XV	Hạt tiêu	
1	Hạt tiêu (chi Piper) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XVI	Điều	
1	Hạt điều	

2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do Bộ Công Thương quản lý.
XVII	Nông sản thực phẩm khác	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ đậu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây,...)	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm (châu chấu, dế, nhộng tằm,...)	
XVIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

PHỤ LỤC III

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

*(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP
ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)*

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	Rượu, cồn và đồ uống có cồn	Không bao gồm sản phẩm rượu bỏ do Bộ Y tế quản lý
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Bộ Y tế quản lý

1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Bộ Y tế quản lý
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	
1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	
4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	

4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	
7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Dầu hạt vừng (mè)	
2	Dầu cám gạo	
3	Dầu đậu tương	
4	Dầu lạc	
5	Dầu ô liu	
6	Dầu cọ	
7	Dầu hạt hướng dương	
8	Dầu cây rum	

9	Dầu hạt bông	
10	Dầu dừa	
11	Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su	
12	Dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt	
13	Dầu hạt lanh	
14	Dầu thầu dầu	
15	Các loại dầu khác	
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	
3	Bột khoai tây	
4	Malt: Rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột: Mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	
8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghetti, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnocchi, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...	

9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	
2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	
8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhào từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	

10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.	



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

**VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
XUẤT KHẨU VÀO TRUNG QUỐC**